

Số: **2503**/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày **09** tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: **Mua sắm, lắp đặt trang thiết bị, cột phát sóng cho hệ thống Đài truyền thanh cơ sở năm 2018 thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT-BTTTT ngày 02/6/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn thực hiện nội dung “Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1772/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành kế hoạch chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ Quyết định số 3479a/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2018 cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc ngân sách cấp tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 529/TTr-SKHĐT và Báo cáo thẩm định số 528/BC-SKHĐT ngày 02/10/2018,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình với các nội dung chính sau:

1. Tên dự án: Mua sắm, lắp đặt trang thiết bị, cột phát sóng cho hệ thống Đài truyền thanh cơ sở năm 2018 thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

2. Chủ đầu tư: Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đắk Lắk.

3. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Góp phần hoàn thiện hệ thống đài truyền thanh cơ sở trên địa bàn tỉnh, đáp ứng quy định về quy hoạch phổ tần vô tuyến điện quốc gia, quy hoạch truyền dẫn sóng phát thanh truyền hình đến năm 2020 và đáp ứng tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

4. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

Sửa chữa, nâng cấp; thay mới máy phát thanh FM 50W tại 20 xã; tăng chiều cao cột Anten từ 15 - 18m lên 21m tại 11 xã. Xây dựng mới hệ thống chống sét gồm 02 cọc thép mạ kẽm F16 dài 2,4m liên kết với cáp đồng trần M70 mm², chôn sâu 6m.

- Mua sắm, lắp đặt trang thiết bị (chi tiết tại Phụ lục số 02).

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Bru điện.

6. Chủ nhiệm Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Đinh Quốc Khanh.

7. Địa điểm xây dựng: Tại 26 xã thuộc 11 huyện, thị xã, thành phố (các huyện: Cư M'gar, Cư Kuin, Krông Năng, Krông Ana, Krông Păk, Krông Búk, Ea H'leo, Buôn Đôn, Ea Kar; thị xã Buôn Hồ; thành phố Buôn Ma Thuột) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

8. Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.

9. Tổng mức đầu tư: 7.894.767.000 đồng.

(Bảy tỷ, tám trăm chín mươi tư triệu, bảy trăm sáu mươi bảy ngàn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 639.417.000 đồng.

- Chi phí thiết bị: 6.473.505.000 đồng.

- Chi phí quản lý dự án: 125.779.000 đồng.

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 447.566.000 đồng.

- Chi phí khác: 186.085.000 đồng.

- Chi phí dự phòng: 22.415.000 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo)

10. Nguồn vốn đầu tư: Vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh đối ứng cho Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới (theo Công văn số 7739/UBND-KT ngày 29/9/2017 của UBND tỉnh).

11. Hình thức quản lý dự án: Thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 và khoản 8 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ.

12. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2018 - 2019.

Điều 2. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Mua sắm, lắp đặt trang thiết bị, cột phát sóng cho hệ thống Đài truyền thanh cơ sở năm 2018 thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 (chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo).

Điều 3. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung tại Điều 1, Điều 2, Quyết định này; đồng thời, quản lý, thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng chịu trách nhiệm về tính pháp lý của các hồ sơ có liên quan tại Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận

- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử của tỉnh;
- Trang TT điện tử - VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KT (y_10b)

CHỦ TỊCH



Phạm Ngọc Nghị

Phụ lục số 01: BẢNG TỔNG HỢP TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Công trình: Mua sắm, lắp đặt trang thiết bị, cột phát sóng cho hệ thống Đài truyền thanh cơ sở năm 2018 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020

(Kèm theo Quyết định số 2503 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	KÝ HIỆU	THÀNH TIỀN (đ)
A	CHI PHÍ XÂY DỰNG	1 + ... + 3	Gxd	639.417.000
1	Chi phí lắp đặt hệ thống thiết bị máy phát thanh FM 50	Bảng tính		373.427.000
2	Chi phí nâng cột 15m lên cột 21m	Bảng tính		127.045.000
3	Chi phí nâng cột 18m lên cột 21m	Bảng tính		138.946.000
B	CHI PHÍ THIẾT BỊ	Bảng tính	Gtb	6.473.505.000
C	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	Gxd+Gtb) x 2,763%*0,8*0,	Gqlđa	125.779.000
D	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XDCT	1 + ... + 6	Gtv	447.566.000
1	Chi phí lập BC KTKT	(Gxd + Gtb) x 3,418%	Gks	243.120.000
2	Chi phí giám sát TC XDCT	Gxd x 2,566%		16.407.000
3	Chi phí khảo sát	Bảng tính		114.026.000
4	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát	Gks x 3%		0
4	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng bước TKBVTC	Gks x 4,072%		0
6	Chi phí lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng	Gtb x 0,337%		0
4	Chi phí lập HSYC thi công xây dựng công trình	Gxd x 0,1%		0
4	Chi phí lập HSMT cung cấp, lắp đặt thiết bị	Gtb x 0,302%		19.550.000
3	Chi phí đánh giá HSDX thi công xây dựng công trình	Gxd x 0,432%		0
7	Chi phí đánh giá HSDY cung cấp, lắp đặt thiết bị	Gtb x 0,1%		0
5	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSMT thi công XDCT	Gxd x 0,388%		2.481.000
11	Chi phí đánh giá hồ sơ mời thầu (hồ sơ yêu cầu) cung cấp thiết bị	Giá trị tối thiểu	0	
7	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu cung cấp thiết bị	Mức tối thiểu	0	
6	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	Gtb x 0,803%	51.982.000	
E	CHI PHÍ KHÁC	1 +...+ 11	Gk	186.085.000
1	Phí thẩm định báo cáo KTKT	TMĐT x 0,019%		1.460.000
2	Chi phí hạng mục chung và các chi phí khác	Bảng tính		25.577.000
3	Chi phí bảo hiểm công trình	Gxd x 0,22%		1.407.000
4	Phí thẩm định TKKT	Gxd/1,1 x 0,126%		732.000
5	Phí thẩm định dự toán	Gxd/1,1 x 0,122%		709.000
6	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng	TT=25% CP giám sát		17.097.000
7	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu thi công XDCT	Giá trị tối thiểu		1.000.000
6	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu cung cấp thiết bị	Gtb x 0,05%		2.943.000
8	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thi công XDCT	Giá trị tối thiểu		1.000.000
8	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp thiết bị	Gtb x 0,05%		2.943.000
9	Chi phí thẩm định thiết kế PCCC	TMĐT/1,1 x 0,00967%		0
9	Chi phí kiểm toán độc lập	TMĐT x 1,297% x 70% x 1,1		76.762.000
10	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư	TMĐT x 0,764% x 70%		41.806.000
11	Chi phí thẩm định giá thiết bị	Tạm tính		12.650.000
F	DỰ PHÒNG PHÍ	1	Gdp	22.415.000
1	Chi phí dự phòng do yếu tố khối lượng phát sinh	(A+B+C+D) x 0,28%		22.415.000
1	Chi phí dự phòng do yếu tố trượt giá	Bảng tính		0
	TỔNG CỘNG			7.894.768.000



Phụ lục 2: Kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình:
Mua sắm, lắp đặt trang thiết bị, cột phát sóng cho hệ thống Đài truyền thanh cơ sở năm 2018 thuộc
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020
(Phụ lục kèm theo Quyết định số 2503 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng					
I	Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu	192.568.000	Vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh đối ứng cho Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới (theo Công văn số 7739/UBND-KT ngày 29/9/2017 của UBND tỉnh).	Thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 và khoản 8 Điều 1 Nghị định số 2/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ									
1	Quản lý dự án	125.779.000											
2	Thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu	7.886.000											
3	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	41.806.000											
4	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng	17.097.000											
II	Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu	7.307.087.000											
1	Gói thầu xây lắp, thiết bị	7.138.499.000							Đấu thầu rộng rãi trong nước	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Quý IV/ 2018	Trọn gói	90 ngày
1,1	Chi phí xây lắp	639.417.000							Chỉ định thầu (quy trình rút gọn)				30 ngày
1,2	Chi phí thiết bị	6.473.505.000									Theo tiến độ thực hiện dự án		
1,3	Chi phí hạng mục chung và các chi phí khác	25.577.000									Quý II/2019	30 ngày	
2	Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu	22.030.000											
3	Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị	68.389.000											
4	Bảo hiểm	1.407.000											
5	Kiểm toán	76.762.000											